

# MỤC LỤC

- 1) OZH4800E TỦ TRUNG TÂM BÁO CHẢY HỆ ĐỊA CHỈ.DUNG LƯỢNG ,LẮP ĐẶT ,THIẾT KẾ
- 2) OZH4800E THAO TÁC ĐIỀU KHIỂN
- 3) PHỤ LỤC

## 1) OZH4800E DUNG LƯỢNG, LẮP ĐẶT, THẾT KẾ

### 1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(1) ĐIỆN ÁP SUAY CHIỀU: 220V±10%, 50Hz±1%.

(2) NGUỒN ĐIỆN ẮC QUY: 24V /4Ah, KHÉP KÍN ĐƯỢC BẢO VỆ AN TOÀN .

(3) MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC : NHIỆT ĐỘ : 0°C ~ +50°C; ĐỘ ẨM TƯƠNG ĐỐI : ≤95%  
(40°C±2°C).

(4) DUNG LƯỢNG : CÓ 8 LOOP , MỖI MỘT LOOP MANG 192 ĐỊA CHỈ, DUNG LƯỢNG LỚN NHẤT CỦA MÁY ĐẠT ĐẾN 1536 ĐỊA CHỈ.

(5) BÁO CHÁY VỚI LIÊN ĐỘNG CÙNG THỐNG NHẤT MỘT ĐỊA CHỈ , CÓ THỂ CĂN CỨ VÀO ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ TIẾN HÀNH THIẾT KẾ .

### 2. TỔ THÀNH CÁC PHỐI KIỆN

CÁCH THỨC TREO TƯỜNG : HỘP , MÁY CHỦ , PHÂN NHÁNH MÁY ( CALD PHÂN NHÁNH ) VÀ BỘ PHẬN NGUỒN ĐIỆN .

(1) BỘ PHẬN MÁY CHỦ GỒM: MÀN HÌNH HIỂN THỊ , BÀN PHÍM , BỘ PHẬN ĐÈN CHỈ THỊ, LOA .

(2) BỘ PHẬN PHÂN NHÁNH GỒM : HAI CALD PHÂN NHÁNH VÀ DÂY TỔNG NGOÀI

(3) BỘ PHẬN NGUỒN ĐIỆN BAO GỒM :2 DÂY NGUỒN RA PHÒNG CHÁY 24V VÀ 5V, NGUỒN ĐIỆN ẮC QUY 24V/4Ah.

### 3. BỐ TRÍ DƯỜNG DÂY

(1) BÁO CHÁY : 2 DÂY TỔNG ( TÍNH VÔ CỰC )

(2) MODEMS: 4 DÂY TỔNG , 2 DÂY TÍN HIỆU ( TÍNH VÔ CỰC ) , 2 DÂY NGUỒN ĐIỆN ( 24V, 0V ) .

(3) MODEMS RA: 4 DÂY TỔNG, 2 DÂY TÍN HIỆU ( TÍNH VÔ CỰC ), 2 DÂY NGUỒN ( 24V, 0V ) .

(4) YÊU KỸ THUẬT ĐỐI VỚI DÂY.

a. 2 DÂY TỔNG TÍN HIỆU ( TÍNH VÔ CỰC ) SỬ DỤNG DÂY SOẪN RVS, TIẾT DIỆN ≥1.0mm<sup>2</sup>. CĂN CỨ THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ CÔNG TRÌNH MÀ THIẾT KẾ

b. SỬ DỤNG DÂY RA DC24V, LOẠI DÂY BV, TIẾT DIỆN ≥2.5mm<sup>2</sup>.

c. LỖI TRONG CỬA HAI DÂY TÍN HIỆU TIẾT DIỆN ≥1mm<sup>2</sup>

d. CÁCH LY NGUỒN ĐIỆN VỀ Ở MỖI MỘT DÂY CỦA MÁY CHỦ <20Ω.

### 4. THIẾT KẾ LẮP ĐẶT .

(1) TRƯỚC KHI THÔNG ĐIỆN Ở LẦN ĐẦU TIÊN YÊU CẦU CALD PHÂN NHÁNH PHẢI CÀI ĐẶT SỐ ĐỊA CHỈ , PHƯƠNG PHÁP : NẾU LẮP ĐẶT MỘT CALD PHÂN NHÁNH, TRÊN CALD PHÂN NHÁNH ĐÓ CÓ 8 VỊ TRÍ CÔNG TẮC ĐÓNG MỞ THÌ TA MỞ (ON) Ở VỊ TRÍ SỐ 1 CÒN CÁC VỊ TRÍ KHÁC KHÔNG MỞ(OFF), NHƯ VẬY , CALD PHÂN NHÁNH NÀY ĐỊA CHỈ LÀ 1, ĐỐI ỨNG VỚI 1, 2, 3, 4 ĐƯỜNG TRUYỀN VỀ; NẾU MÁY CHỦ ĐƯỢC BỐ TRÍ 2 CALD PHÂN NHÁNH , THÌ TRÊN CALD THỨ 2 ĐÓ TƯƠNG TỰ NHƯ THAO TÁC Ở CALD THỨ 1 TIẾN HÀNH BẬT CÔNG TẮC Ở VỊ

TRÍ THỨ 2 (ON) CÒN CÁC VỊ TRÍ KHÁC ĐỀU ĐÓNG LẠI (OFF) NHƯ VẬY CALD PHÂN NHÁNH NÀY ĐỊA CHỈ LÀ: 2 , ĐỐI ỨNG VỚI 4,5,6,7,8 ĐƯỜNG TRUYỀN VỀ.

(2) LẦN ĐẦU TIÊN THÔNG ĐIỆN HOẶC TRÊN DÂY TỔNG CÓ SỰ THAY ĐỔI VỀ MẶT THIẾT BỊ ,CẦN PHẢI TIẾN HÀNH THAO TÁC ĐĂNG KÝ .TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ CẦN PHẢI LỰA TRỌN CHÍNH XÁC ĐƯỜNG TRUYỀN VỀ CẦN ĐĂNG KÝ ,SAU KHI XÁC NHẬN LẬP TỨC CÓ THỂ TỰ ĐỘNG HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH ĐĂNG KÝ ,SAU KHI ĐĂNG KÝ SẼ HIỂN THỊ SỐ LƯỢNG CÁC THIẾT BỊ ĐÃ LẮP ĐẶT TRÊN DÂY TỔNG.

## 5. HƯỚNG DẪN CÁCH NỐI DÂY

DÂY TỔNG VÀ BIỂU THỊ NỐI DÂY VÀO CÁC CỰC , ĐIỆN ÁP RA 24V

24V	GND	ZX1+	ZX1-	ZX2+	ZX2-	ZX3+	ZX3-	ZX4+	ZX4-
-----	-----	------	------	------	------	------	------	------	------

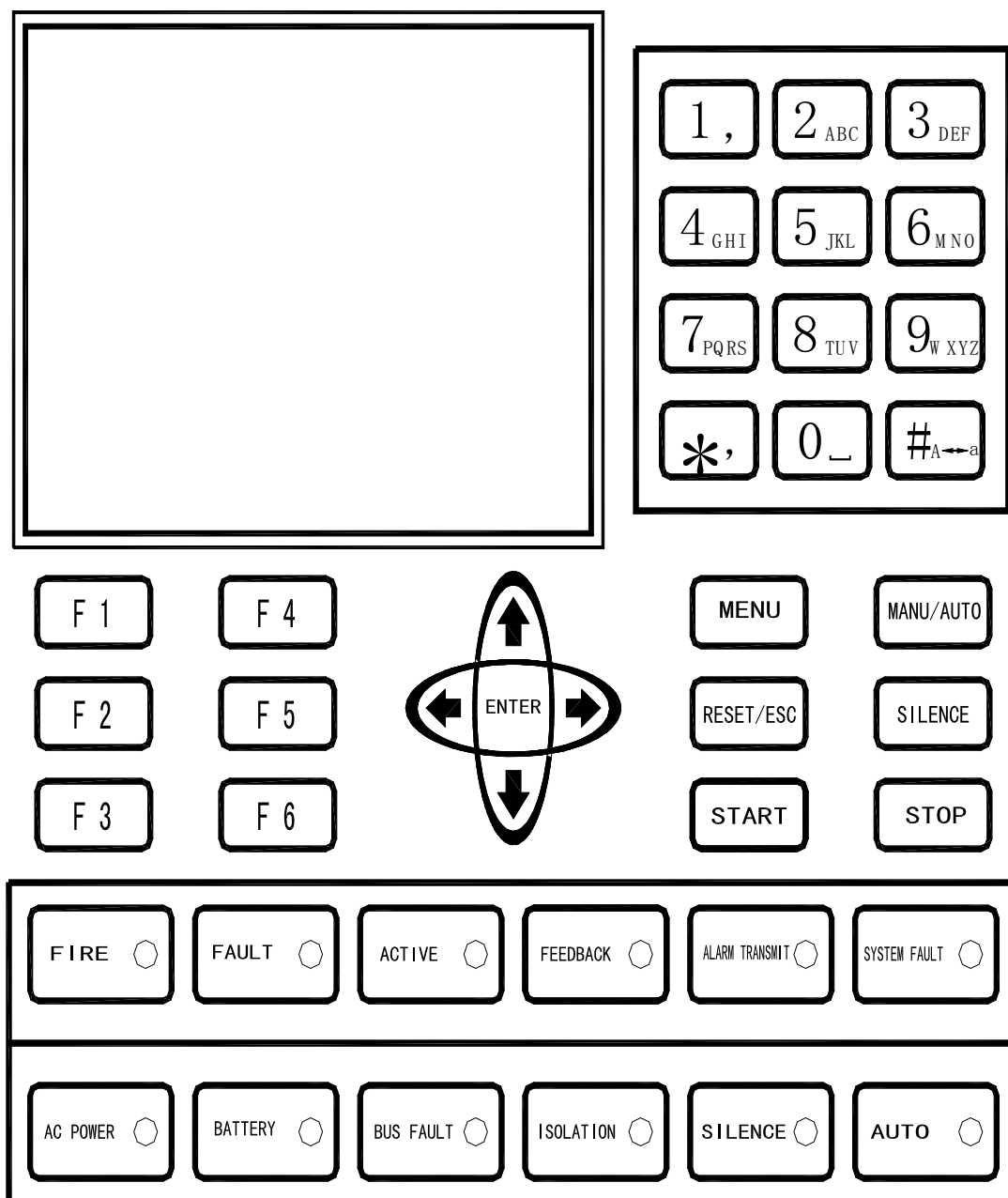
ZX<sub>x</sub>+, ZX<sub>x</sub>-:DÂY TỔNG (TÍNH VÔ CỰC )

SỐ ĐƯỜNG TRUYỀN VỀ= (SỐ ĐỊA CHỈ CALD PHÂN NHÁNH -1) \*4+ZX<sub>x</sub>

## 2) OZH4800E PHƯƠNG PHÁP THAO TÁC

### \* BÀN PHÍM VÀ HIỂN THỊ

DƯỚI ĐÂY LÀ BÀN PHÍM THAO TÁC MÁY CHỦ TRUNG TÂM ,BỐ TRÍ SƠ ĐỒ , ĐÈN CHỈ THỊ CÁC TÌNH HUỐNG CÙNG VỚI HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



HÌNH 1

1. PHÍA BÊN TRÁI TRÊN CÙNG LÀ CỬA SỔ MÀN HÌNH HIỂN THỊ , PHÍA BÊN PHẢI LÀ BÀN PHÍM SỐ , DÙNG ĐỂ NHẬP CÁC SỐ LIỆU KHI LẮP CÀI ĐẶT VỊ TRÍ TRƯNG TRÌNH CÙNG DÙNG ĐỂ ĐĂNG NHẬP NHIỀU KÝ TỰ KHÁC , NHẪM NÓI RÕ HƠN VỀ VỊ TRÍ LẮP THIẾT BỊ.
2. PHÍA BÊN TRÁI Ở GIỮA LÀ CÁC CÔNG NĂNG BÀN PHÍM MỞ RỘNG , Ở GIỮA LÀ PHÍM XÁC NHẬN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG , PHÍA PHẢI LÀ PHÍM CÔNG NĂNG , CÔNG NĂNG CÁC NÚT, PHÍM

NHƯ SAU :

- (1) **【MENU】**: DỪNG ĐỂ ĐĂNG NHẬP VÀO CÁC ĐƠN MỤC.
- (2) **【RESET/ESC】**: TRONG QUÁ TRÌNH THAO TÁC ĐĂNG NHẬP ĐƠN MỤC RESET CÓ CÔNG NĂNG LẬP TỨC CHẤP HÀNH PHỤC VỊ HỆ THỐNG ESC CÓ CÔNG NĂNG QUAY LẠI THAO TÁC TRƯỚC ĐÓ.
- (3) **【START】**, **【STOP】**: KHỞI ĐỘNG, NGỪNG HOẠT ĐỘNG MODEMS.
- (4) **【MANU/AUTO】**: TỰ ĐỘNG/ BẰNG TAY
- (5) **【SILENCE】**: NGỪNG BÁO LỖI HOẶC ÂM THANH BÁO CHÁY , ĐỒNG THỜI ĐÈN TẮT ÂM THANH SẼ SÁNG LÊN , MÀU VÀNG. ( SILENCE )
- (6) **【F1】 ~ 【F6】**: PHÍM MỞ RỘNG( CỤ THỂ THAO TÁC XEM TRÊN MÀN HÌNH HIỂN THỊ
- (7) **【\*】**: TẠI MỘT VỊ TRÍ NÀO ĐÓ TRÊN MÀN HÌNH CÓ THỂ THỰC HIỆN LỰA TRỌN TẤT CẢ CÁC DÂY SỐ BẰNG CÁCH TÍNH CỘNG THÊM 1.
- (8) **【#】**: TƯƠNG TỰ NHƯ ( \* ) BẰNG CÁCH TÍNH TRỪ 1
- (9) **【←】 【→】 【↑】 【↓】 【】**: PHÍM PHƯƠNG HƯỚNG , DỪNG ĐỂ DI CHUYỂN CON CHUỘT, THAY ĐỔI CẮC TRANG , LẬT TRANG , TRỌN SỐ .V.V.
- (10) **【ENTER】**: **【ENTER】** XÁC NHẬN CHẤP HÀNH CÁC CÔNG NĂNG ĐÃ LỰA TRỌN

### 3、 Trạng Th á i C á c V ù ng Chỉ Thị :

- (1) **↑ FIRE ↓**: BÁO CHÁY
- (2) **↑ FAULT ↓**: BÁO LỖI
- (3) **↑ ACTIVE ↓**: CHỈ THỊ KHỞI ĐỘNG.
- (4) **↑ FEEDBACK ↓**: CHỈ THỊ PHẢN HỒI THÔNG TIN.
- (5) **↑ ALARM TRANSMIT ↓**: CHỈ THỊ ĐƯỜNG TRUYỀN BÁO CHÁY .
- (6) **↑ SYSTEM FAULT ↓**: CHỈ THỊ BÁO LỖI.
- (7) **↑ AC POWER ↓**: CHỈ THỊ TRẠNG THÁI NGUỒN ĐIỆN. MÀU VÀNG VÀ XANH . XANH NGUỒN ĐIỆN BÌNH THƯỜNG , MÀU VÀNG NGUỒN ĐIỆN CÓ SỰ CỐ , LÚC NÀY MÁY CHỦ TẠM THỜI DỪNG NGUỒN ĐIỆN DỰ PHÒNG(ẮCQUY).
- (8) **↑ BATTERY ↓**: CHỈ THỊ NGUỒN ĐIỆN ẮCQUY , MÀU VÀNG VÀ XANH ; MÀU XANH BÌNH THƯỜNG MÀU VÀNG LÀ SỰ CỐ TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG SỬ DỤNG ẮCQUY ĐÈN CHỈ THỊ THƯỜNG KHÔNG SÁNG
- (9) **↑ BUS FAULT ↓**: CHỈ THỊ BÁO LỖI ĐƯỜNG DÂY TỔNG ,MÀU VÀNG ,ĐỨT DÂY , ĐOẠN MẠCH HOẶC CÁC THIẾT BỊ NỐI VỚI DÂY TỔNG GẶP SỰ CỐ.
- (10) **↑ ISOLATION ↓**: CHỈ THỊ CÁCH LY.
- (11) **↑ AUTO ↓**: CHỈ THỊ CHẾ ĐỘ TỰ ĐỘNG.

### \* HƯỚNG DẪN THAO TÁC

TỦ BÁO CHÁY TRUNG TÂM OZH4800E CÓ 5 ĐƠN MỤC TRƯỞNG TRÌNH VỚI CÔNG NĂNG KHÁC NHAU : Set、Operate、Program、Inquire、Register, MỖI MỘT ĐƠN MỤC CHIA RA LÀM NHIỀU TRANG , MỤC NHỎ VỚI CÔNG DỤNG VÀ CHỨC NĂNG RIÊNG CỦA NÓ .MỖI MỘT THAO TÁC ĐỀU THÔNG QUA BÀN PHÍM VÀ MÀN HÌNH HIỂN THỊ ĐỂ THỰC HIỆN .NGOÀI

RA ,KHI KHÔNG THAO TÁC THÔNG QUA MÀN HÌNH HIỂN THỊ VỚI HAI CHẾ ĐỘ TỰ ĐỘNG BẰNG TAY SẼ ĐƯA MÁY CHỦ VỀ HAI TRẠNG THÁI HÌNH ẢNH .1. NẾU HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG BÌNH THƯỜNG , KHÔNG CÓ THÔNG TIN GÌ BẤT THƯỜNG, MÁY CHỦ QUAY VỀ TRẠNG THÁI NHƯ BAN ĐẦU ( TRẠNG THÁI TIÊU CHUẨN ) TRẠNG THÁI NÀY CŨNG CHÍNH LÀ TRẠNG THÁI LẦN ĐẦU TIÊN TỬ TRUNG TÂM ĐƯỢC THÔNG ĐIỆN , NHƯ HÌNH 2. NẾU HỆ THỐNG ĐANG BÁO LỖI SẼ Ở TRẠNG THÁI NHƯ HÌNH 3.



HÌNH 2

	01.001  05 / 05 / 2007 11: 59 MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F6
	01.001  05 / 05 / 2007 11: 59 001 / 001 MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F5
	01.100  05 / 06 / 2007 18: 11 001 / 001 MEETINGROOM OF ORENA BUILDING, FLOOR 5
	01.101  05 / 06 / 2007 18: 30 001 / 001 MEETINGROOM OF ORENA BUILDING, FLOOR 5
	F a u l t : 01.100 05 / 06 / 2007 18: 11 I s o l a t e : 01.101 05 / 06 / 2007 18: 30

Hình 3

### 1. CÁCH THỨC TRẠNG THÁI HIỂN THỊ TIN TỨC

TỪ HÌNH 3 CHO TA THẤY CÓ 7 Ô HIỂN THỊ THÔNG TIN , MỖI MỘT Ô ĐÓI ỨNG VỚI MỘT LOẠI KÝ HIỆU:



LẦN ĐẦU BÁO CHÁY . Ô NÀY HIỂN THỊ CỤ THỂ LẦN BÁO CHÁY ĐẦU TIÊN .



 BÁO CHÁY . HIỆN THỊ TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN VỀ BÁO CHÁY



 KHỞI ĐỘNG.

 THÔNG TIN PHẢN HỒI.

 BÁO LỖI .

 CÁCH LY .

  ÂM THANH VÀÁNH SÁNG . HIỂN THỊ ÂM THANH ÁNH SÁNG LẦN ĐẦU BÁO LỖI VÀ CÁCH LY.

(1) NGOÀI LẦN ĐẦU TIÊN BÁO CHÁY VÀ HIỂN THỊ TIN TỨC ÁNH SÁNG ÂM THANH RA ,BÁO CHÁY ,KHỞI ĐỘNG , THÔNG TIN PHẢN HỒI , CÁCH LY 5 Ô NÁY VỀ CÁCH THỨC BIỂU THỊ THÔNG TIN HOÀN TOÀN GIỐNG NHAU . VIDỤ: HÀNG ĐẦU TIÊN : ĐỊA CHỈ ĐƯỜNG TRUYỀN VỀ, SỐ ĐỊA CHỈ , LOẠI HÌNH KÝ HIỆU NGÀY/ THÁNG / NĂM . SỐ THỨ TỰ /TỔNG SỐ. HÀNG THỨ HAI : MIÊU TẢ VỊ TRÍ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ. VÍ DỤ ( LẤY BÁO CHÁY LÀM VÍ DỤ : 01.001  05 / 05 / 2007 11: 59 008 / 101 MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F5 CÓ NGHĨA LÀ ĐƯỜNG DÂY VỀ 1 , ĐỊA CHỈ SỐ 1 LÀĐẦU BÁO KHÓI, NGÀY 5 THÁNG 5 NĂM 2007 VÀO LÚC11H 59 PHÚT BÁO CHÁY ,THIẾT BỊ NÀY ĐƯ ỢC LẮP TẠI: “MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F5”; TẠI THỜI ĐIỂM ĐÓ CÓ 101 THIẾT BỊ BÁO CHÁY ,THIẾT BỊ NÀY Ở VỊ TRÍ SỐ 8 .CHÚY:  KÝ HIỆU CỦA ĐẦU BÁO KHÓI, KÝ HIỆU CÁC THHIẾT BỊ KHÁC XEM MỤC A ( **phần 3** )

1) CÁCH THỨC HIỂN THỊ BÁO CHÁY LẦN ĐẦU VÀ CÁC MỤC NHƯ ĐÃ NÊU Ở TRÊN VỀ CƠ BẢN LÀ TƯƠNG ĐỒNG , CHỈ KHÁC BIỆT Ở CHỖ LẦN ĐẦU BÁO CHÁY KHÔNG HIỂN THỊ SỐ THỨ TỰ VÀ TỔNG SỐ TẠI THỜI ĐIỂM ĐÓ.

2) Cách thức hiển thị thông tin mục âm thanh ánh sáng:

Dòng thứ 1: báo lỗi : đường truyền về.số địa chỉ ngày/ tháng /năm giờ: phút

Dòng thứ 2 :cách ly: địa chỉ đường truyền về .số địa chỉ ngày / tháng / năm giờ :phút ở mục này hiển thị thông tin âm thanh ánh sang báo lỗi và cách ly ở lần đầu tiên ,trong đó dòng đầu tiên hiển thị báo lỗi , dòng thứ hai hiển thị cách ly.

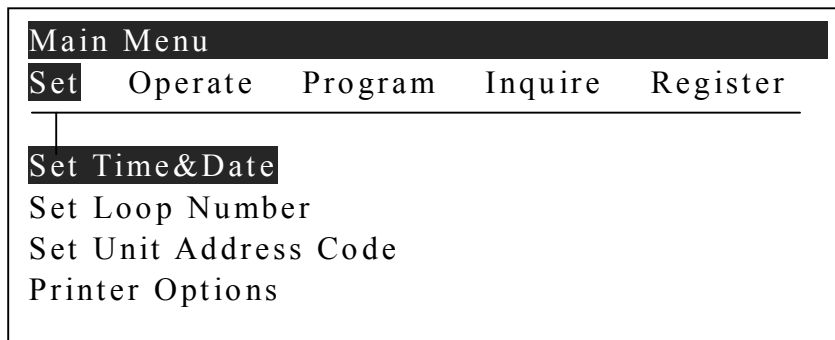
ví dụ : F a u l t: 01.100 05 / 06/ 2007 18: 11

I s o l a t e: 01.101 05 / 06/ 2007 18: 30

ở mục này không hiển thị cụ thể vị trí lắp đặt thiết bị, vì thông qua hiển thị thông tin báo lỗi hoặc cách ly có thể tìm được tin tức hoàn chỉnh và tương ứng .

- ( 1 ) lần đầu tiên hiển thị báo cháy và âm thanh ánh sang là ở trạng thái tĩnh , còn lại là ở trạng thái động , thông tin được truyền tải linh động, tất cả các thông tin được hiển thị một cách tuần tự , tuần hoàn , thời gian nhảy qua một thông tin mới là 3 giây . đồng thời , cũng có thể dung tay để kiểm tra thông tin ;; phương pháp là: ấn **【↑】** hoặc **【↓】** lựa trọn xem ,
- ( 2 ) đọc các mục , sau đó ấn **【←】** hoặc **【→】** để xem một cách tuần tự nội dung củ thể các mục hoặc ngược lại.

**2、 Set :**Trên mặt chính của tủ trung tâm hoặc thông tin hiển thị ấn phím **【MENU】**, sau đấy đăng nhập chuẩn xác 6 chữ số mật mã ,đăng nhập vào đơn mục , trên đơn mục chính, ấn **【←】**hoặc**【→】**có thể lựa trọn các trang mục cần thao tác. như hình 4, có 4 trang mục nhỏ, lựa trọn các trang mục ấn phím **【↑】** hoặc **【↓】**



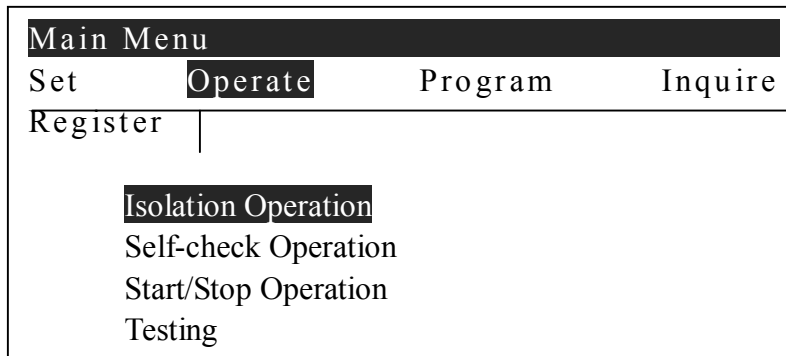
Hình 4

- (1) Set Time&Date: cài đặt thời gian. sau khi cài đặt xong sẽ hiển thị trên màn hình .
- (2) Set Loop Number: cài đặt số địa chỉ đường truyền về, phạm vi số là 1—8.
- (3) Set Unit Address Code cài đặt địa chỉ. phạm vi số địa chỉ 1—255.
- (4) Printer Options: cài đặt dung máy in , (công năng này tạm thời không sử dụng) .

- Use Miniprinter : không sử dụng
- Use Miniprinter : sử dụng

### 3、Operate

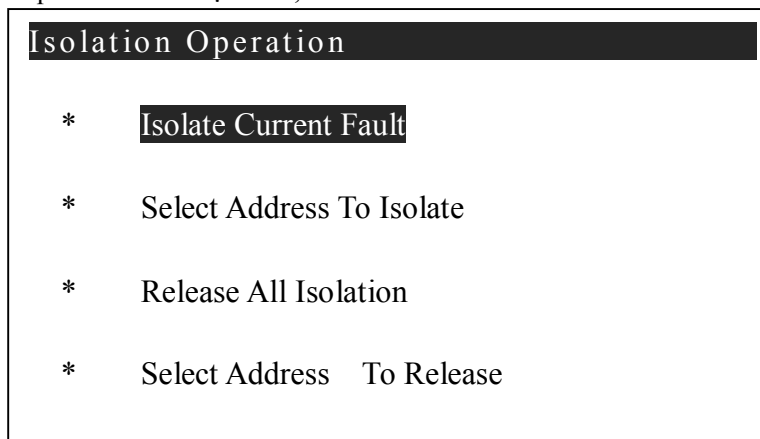
Hình 5 Operate



Hình 5

1) Isolation Operation:

**Operate / Isolation Operation** có 4 mục nhỏ , hình 6:



Hình 6

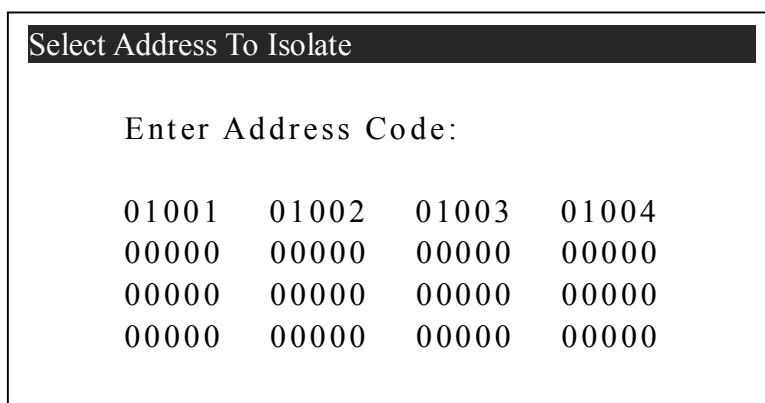
[1] Isolate Current Fault: cách ly sự cố tại thời điểm có báo cháy .mệnh lệnh trang mục này chỉ có hiệu lực tại thời điểm xảy ra sự cố . khi thực hiện mệnh lệnh này sẽ tập hợp tất cả các thông tin về sự cố chuyển nhập về mục cách ly. biến thành thông tin về cách ly. đồng thời trạng thái sự cố sẽ bị xoá đi . nếu thực hiện thành công bên phía phải màn hình sẽ hiển thị “ OK”.

[2] Select Address To Isolate: chọn mệnh lệnh ở mục này . người sử dụng có thể chọn phạm vi số địa chỉ là

1-16 tiến hành đối chiếu tương ứng với địa chỉ cách ly . mệnh lệnh này sẽ liệt ra số địa chỉ cần nhập ( xem hình 7 ) . cách thức nhập địa chỉ gồm 5 chữ số liên tiếp .2 chữ số đầu tiên là đường truyền về .3 chữ số sau cùng là biểu thị số địa chỉ thiết bị ví dụ : 01001 tức là biểu thị thông tin ở đường truyền 1 địa chỉ là 1. chú ý : đăng nhập hợp lệ số địa chỉ đường truyền về phạm vi là: 1—8 số địa chỉ thiết bị hợp lệ phạm vi là 1—192 . nếu đăng nhập không hợp lệ màn hình hiển thị “ FAIL”.Lúc này mệnh lệnh không thực hiện được . khi nhập địa chỉ phải tuân thủ theo quy tắc tuần tự . từ trái sang phải , từ trên xuống dưới .00000 là tiêu chí chuẩn của kết .thức.hình 7 hiển thị tất cả các công năng của nút, phím . phím phương hướng để lựa chọn trên dưới , trái phải một cách linh động , nút “ENTER” xác nhận và thực hiện mệnh lệnh . phím ( \* ) có tác dụng đưa màn hình về trạng thái ban đầu để nhập lại địa chỉ từ đầu.

[3] Release All Isolation: xóa bỏ cách ly . tất cả các thông tin về cách ly đều được xóa bỏ . mệnh lệnh này chỉ có hiệu lực khi tại thời điểm đó có tin tức về cách ly thao tác thành công bên phía phải màn hình hiển thị “OK” .

[4] Select Address To Release: lựa chọn xóa bỏ cách ly của địa chỉ về thao tác giống như Select Address To Isolate chỉ khác là mệnh lệnh này được áp dụng với địa chỉ tương ứng , mà không phải là toàn bộ tất cả cách ly.



Hình 7

### ( 2 ) Self-check Operation:

Mệnh lệnh mục : Opeate/ Self-test Operation có công năng tự kiểm tra , bao gồm tất cả các trạng thái đèn chỉ thị bật sang ,màn hình LCD. hiển thị toàn bộ và đầu ra của báo lỗi và âm thanh báo cháy.

### ( 3 ) Start/Stop Operation:

Mệnh lệnh mục : Opeate/ Start/Stop Operation chấp hành khởi động / ngừng ngắt đầu ra MODEMS , mỗi một lần chỉ có thể ngắt dừng một đầu ra của một MODEMS. Sau khi lựa chọn chính xác thì ấn phím “ENTER” sẽ hiện ra thao tác khởi động/ ngừng đầu ra MODEMS . hình số 8 ,( hình 7 mục đầu tiên là phần nhập số địa chỉ đường truyền về , và số địa chỉ thiết bị ) tất cả phải được thao tác chính xác và hợp lệ.. trong lúc nhập số , trên màn hình đồng thời hiển thị địa chỉ nhập và ký hiệu loại hình thiết bị , tên gọi cũng như vị trí lắp đặt . Mệnh lệnh của đơn mục này nhằm vào MODEMS ra tiến hành thao tác . nếu loại hình ký hiệu thiết bị khác đều nhận được mệnh lệnh chấp hành sẽ hiển thị ( FAIL) dưới đây là công năng của các nút phím hình 8:

[1] Phím phương hướng , phím các chữ số : di chuyển con chuột và nhập dãy số.

[2] **【\*】**: dãy số địa chỉ tăng 1

[3] **【#】**: dãy số địa chỉ trừ 1

[4] **【START】**: đối với tất cả số địa chỉ đã chọn ( phải nhập số MODEMS) chấp hành khởi động , thao tác

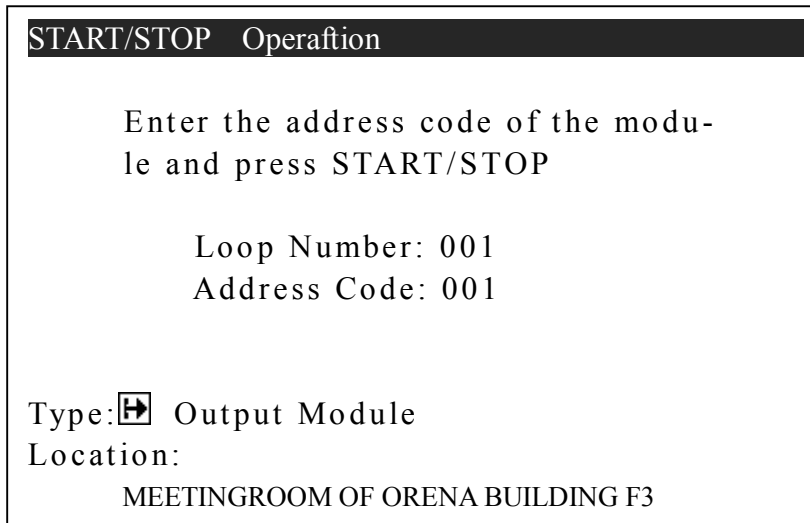
[5] **【STOP】**: đối với tất cả số địa chỉ đã chọn ( phải nhập số MODEMS)chấp hành ngừng , thao tác

[6] phím**【START】** hoặc**【STOP】**, đăng nhập và vào đơn mục chính mật mã tương đồng có thể trực tiếp vào phần ngừng/ khởi động hình số 8 tiến hành thao tác.

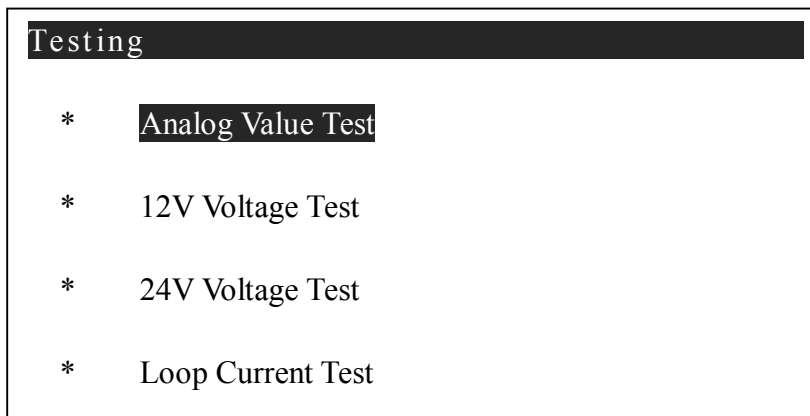
( 4 ) Testing

Operate/Testing : thử nghiệm , bao gồm thử nghiệm điện áp, lưu lượng điện, thực nghiệm điện áp gồm 3 loại : máy chủ đối với thiết bị tiến hành dò hỏi về thời gian , những thông số thể hiện sự thực nghiệm của các điểm cài đặt thiết bị , phản ánh một tình trạng nào đó của thiết bị tại thời điểm đó .những thông số này được thể hiện trên màn hình qua dạng sơ đồ : đoạn, đường cong .thực nghiệm lưu lượng dòng điện chính là máy chủ tiến hành thăm dò một đường truyền về nào đó đồng thời sẽ nhận được lưu lượng dòng điện của 192 địa chỉ trên đường truyền về này .Operate / Testing: Gồm 4 đơn mục nhỏ : hình 9 . 3 trang mục đầu là thực nghiệm điện áp , trang mục thứ 4 là thực nghiệm lưu lượng dòng điện.

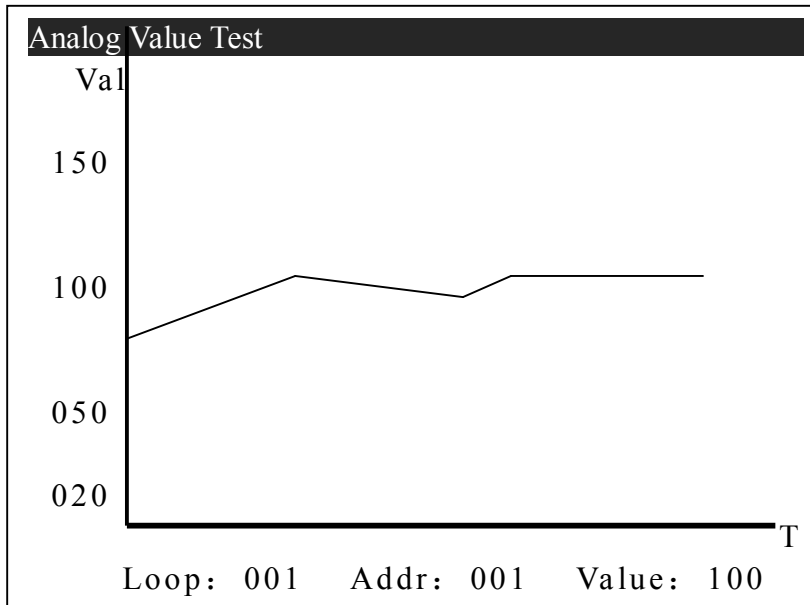
[1]Analog Value Test:Với những thông số mô phỏng khi thực nghiệm đối với các địa chỉ , những thiết bị khác nhau tương ứng với những hàm nghĩa khác nhau ví dụ: báo khói : sẽ có những thông số thể hiện nồng độ khói , báo nhiệt sẽ có những thông số thể hiện nhiệt độ . đối với nút ấn báo cháy và các loại MODEMS có thể căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể mà mặc định cho thiết bị .sau khi lựa chọn chính xác các đơn mục ấn phím ENTER sẽ hiện ra trên màn hình các thao tác cụ thể hình 10.



Hình 8



Hình 9



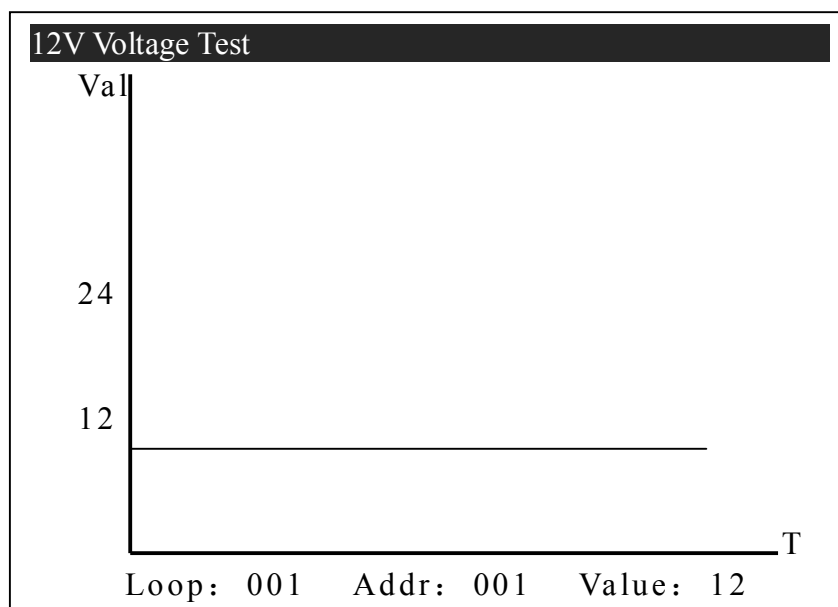
Hình 10

Trong hình “Value” hiển thị vị trí, thông số cụ thể của một lần thực nghiệm, đoạn đường cong trên hình là điểm nối giữa các lần tiến hành thực nghiệm, (chú ý: đường cong lớn nhất là đạt đến 200, vượt qua giới hạn 200 ấn 200 sẽ hiển thị ra thông số cần xem)

Công năng các nút, phím trong hình 10:

- 【←】: giảm dần theo thứ tự đường truyền về
- 【→】: tăng dần theo thứ tự đường truyền về
- 【↑】: giảm dần theo thứ tự số địa chỉ
- 【↓】: tăng dần theo thứ tự số địa chỉ
- 【ENTER】: xác nhận chấp hành thực nghiệm

[2] 12V Voltage Test: thực nghiệm đối với các điểm trên dây tổng điện áp là 12V. thông tin giữa các điểm thiết bị và máy chủ là tín hiệu thể hiện sự chênh lệch giữa hai dòng điện, cao nhất 24V, thấp nhất 12V, sự thực nghiệm ở các điểm cài đặt thiết bị chính là biên độ bình quân điện áp thấp nhất của hai đầu chênh lệch dòng điện. đồng thời thông qua phương thức đường thẳng thể hiện trên màn hình hiển thị. hình 11. trên sơ đồ này các nút phím về công năng giống như Analog Value Test.



HÌNH 11

[3] 24V Voltage Test: thực nghiệm đối với dây tổng 24 V giống như 12V chỉ khác biệt là: mệnh lệnh này là sự thực nghiệm đối với các điểm cài đặt thiết bị theo biên độ điện áp cao bình quân giữa hai đầu dòng điện lên xuống.

[4] Loop Current Test: hình thức thực nghiệm lưu lượng dòng điện trên đường truyền về. phương thức thể hiện là sơ đồ đường cong hình 12. từ hình 12 cho ta thấy 192 địa chỉ được phân thành 3 khu vực, mỗi khu vực có 5 điểm cách nhau một ô và được phân thành các số ô. mỗi một khu vực từ điểm đầu đến điểm cuối được phân biệt 1, 71, 141, tiện cho việc phân biệt và quan sát. lưu lượng dòng điện lớn nhỏ được biểu thị rất rõ ràng, đây là phương thức biểu thị gần đúng. nếu như một điểm nào đó chưa cài đặt thiết bị thì về lưu lượng dòng điện sẽ hiện thị là 0, đoạn thẳng thể hiện điểm cài đặt thiết bị này là rất ngắn (ở hình 12).

Thao tác công năng các phím hình 12:

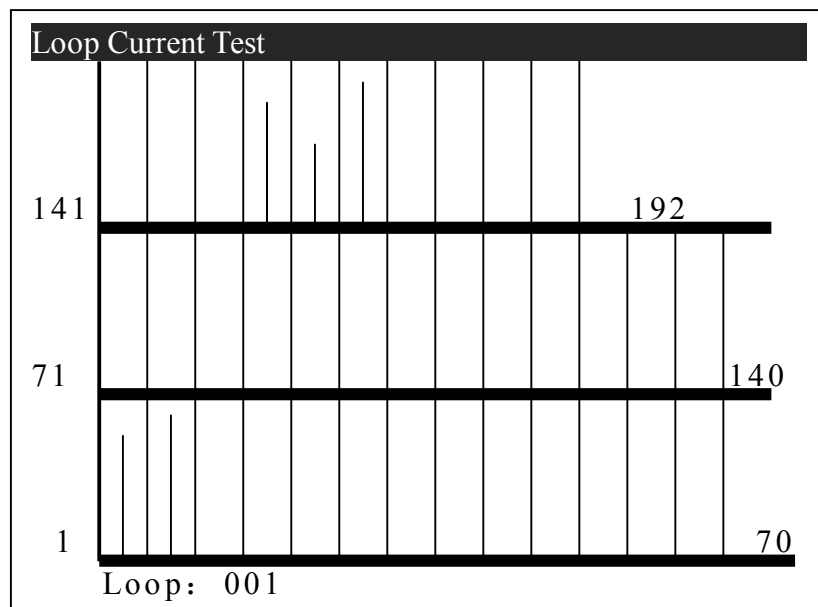
【←】: giảm dần số theo thứ tự số đường truyền về

【→】: tăng dần số theo thứ tự số đường truyền về

【↑】: tăng dần số theo thứ tự số đường truyền về

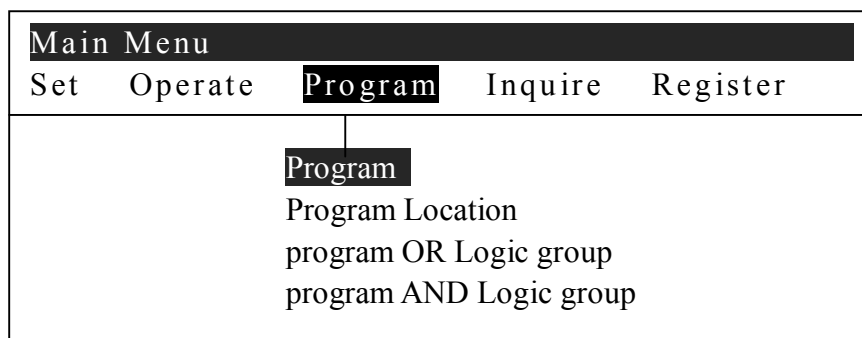
【↓】: giảm dần số theo thứ tự số đường truyền về

ENTER : XÁC NHẬN CHẤP HÀNH MỆNH LỆNH



Hình 12

#### 4、 Program



Hình 13

Program/Program: Máy chủ có thể tiến hành biên soạn thuộc tính và thiết kế, lập trình tương quan đối với

các thiết bị được lắp đặt . các trang biên soạn bao gồm : trương trình lắp đặt vị trí , logic và tổ trương trình , những công năng này đều được thực hiện trên mục PROGRAM ( hình 13 ) . Mỗi một đơn mục nhỏ trong Program đều có mã riêng , muốn tiến hành thao tác phải nhập mã chính xác vào . Program là sự tổng hợp trương trình , tất cả các thiết bị địa chỉ có thể tiếp xúc nhập vào máy chủ đều được tiến hành biên soạn thuộc tính ( hình 14 ) hai dòng trên là nhập số đường truyền về địa chỉ , 7 dòng dưới là các thông số cơ bản về “thuộc tính” thông số cơ bản bao gồm:

[1]Type: Loại hình thiết bị , có 32 loại hình thiết bị . Đối ứng với với các số 1-- 32, trong đó có 1-4 đối ứng với đầu báo khói , đầu báo nhiệt , nút ấn báo cháy , điểm kết nối với Modems , 5—8 đối ứng với 4 loại Modems , 9—28 đối ứng với 20 loại Modems ra , 29—32 các ký hiệu định sẵn , mỗi một loại thiết bị đều có một loại ký hiệu tương ứng ( xem phụ lục A ) .

[2]OR Logic Group: Số thứ tự hoặc tổ , máy chủ có thể thiết lập được 511 hoặc tổ liên động mỗi một hoặc tổ có nhiều nhất là 32 Modems ra số thứ tự là 1—511 bất kỳ hoặc tổ đều có thể kết nối đến thiết bị , thực hiện công năng liên động . thuộc tính trang mục này chính là kết nối địa chỉ thiết bị với một tổ nào đó (được quyết định bởi đăng nhập số thứ tự hoặc tổ ) . như vậy khi các điểm thiết bị tiến hành báo cháy đồng thời sẽ sử dụng công năng liên động , hoặc trong đó tất cả các Modems ra sẽ tự động khởi động.

[3]AND Logic Group: số thứ tự “với tổ” , máy chủ có thể thiết lập được 511 điểm liên động với tổ , trong mỗi một tổ có nhiều nhất là 32 địa chỉ Modems ra . số thứ tự là 1—511 bất kỳ” với tổ “ nào đều có thể kết nối đến thiết bị và thực hiện công năng liên động . công năng với tổ cho ta thấy là: 2 điểm thiết bị có thể đồng thời kết nối với tổ nào đó , nhưng điều kiện phân biệt đối ứng là : “A” và “ B” ví dụ: khi 2 thiết bị đồng thời báo cháy thì công năng liên động tự động chấp hành , đối ứng với tất cả Modems ra trong tổ tự động khởi động . Thuộc tính của trang mục này là thiết lập kết nối địa chỉ của điểm thiết bị với tổ tại thời điểm đó (được quyết định bởi đăng nhập số thứ tự với tổ ) . đồng thời thiết lập điều kiện “A” và “B” , được biểu thị rất rõ ràng . Một điểm thiết bị không thể nào khởi động được Modems trong tổ , cần phải có đầy đủ 2 điểm thiết bị cùng báo cháy , đồng thời 2 điểm thiết bị phải cùng kết nối với tổ ấy . chính là điều kiện thiết lập “A” Và “B” .

Ví Dụ: loop 01 số địa chỉ 001 là đầu báo khói . điểm này thiết lập với tổ là: 001 A

Loop 01 số địa chỉ là 002 là nút ấn báo cháy , điểm thiết bị này được thiết lập với tổ là : 001B .Lúc này loop 01 , địa chỉ 001 và loop 01 và địa chỉ 002 đều báo cháy , nếu như công năng liên động được sử dụng như vậy địa chỉ 001 và Modems ra trong tổ sẽ được tự động khởi động.

[4] Floor Number: Số tầng lầu , đăng nhập số địa chỉ thiết bị đối ứng với số tầng lầu trong toà nhà công trình.

[5] RAUN: Màn hình LCD ở các tầng lầu , tại các màn hình hiển thị lắp đặt ở các tầng lầu , sau khi đăng nhập sẽ hiển thị sự cố của các điểm thiết bị hoặc báo cháy , ngoài ra cũng có thể truyền những thông tin đến những màn hình hiển thị khác tại một tầng lầu nào đó.

[6]Location Code:lắp đặt vị trí số thứ tự , đăng nhập 4 vị trí lắp đặt số thứ tự , phạm vi là 1—1535 . đăng nhập đến vị trí số thứ tự 4 đối ứng với với các vị số thứ tự cài đặt sẽ được miêu tả trên màn hình hiển thị ở dòng cuối cùng trên màn hình.( TÍNH NĂNG MỞ RỘNG )

Những thuộc tính trên sau khi đã xác nhận sẽ được bảo tồn vào “FLASH” .

các công năng , nút phím trên hình 14 .

Phím phương hướng và phím các chữ số : di chuyển con chuột và đăng nhập số liệu.

**【ENTER】:** ở những vị khác nhau thì công năng của phím “ENTER” cũng khác nhau . Nếu như lúc đăng nhập số loop và các số địa chỉ , sau khi ấn phím ENTER máy chủ phán đoán xem số đăng nhập có hợp lệ hay không , đồng thời sẽ dò tìm số địa chỉ của thiết bị có tồn tại hay không . Khi số địa chỉ đã hợp lệ thì tất cả thuộc tính của địa chỉ ấy sẽ được hiển thị trên màn hình tại thời điểm đó . Đồng thời con chuột sẽ di chuyển đến khu vực biên soạn thuộc tính , để biên soạn tất cả các hạng mục thuộc tính .Nếu không di chuyển con chuột sẽ xuất hiện chữ “NONE” . Nếu con chuột nằm trong vùng biên soạn thuộc tính , sau khi ấn phím ENTER: máy sẽ tiến hành thăm dò xem tất cả các thông tin có hợp lệ hay không . Nếu hợp lệ sẽ tiến hành

lưu lại nếu không hợp lệ sẽ xuất hiện chữ ‘ FAIL’.

chú ý : sau khi đã lưu lại thông tin thành công con chuột vẫn ở trong vùng biên soạn , số địa chỉ sẽ tự nhảy sang số mới ( cộng thêm 1 đơn vị ) như vậy sẽ thuận tiện , nhanh chóng hơn biên soạn cho thuộc tính điểm thiết bị tiếp theo.

【\*】: số địa chỉ công thêm 1, nếu con chuột trong vùng biên soạn thuộc tính ,ấn phím

【\*】: con chuột sẽ di chuyển đến hàng đăng nhập địa chỉ.

【#】: số địa chỉ trừ đi 1, nếu con chuột trong vùng biên soạn thuộc tính ,ấn phím

【#】: con chuột sẽ di chuyển đến hàng đăng nhập địa chỉ.

【F1】: khi con chuột trong vùng biên soạn thuộc tính mới có hiệu lực ,ấn phím 【F1】 có thể thay đổi gì ữa ‘A’ và ‘B’ trong điều kiện liên kết với t ổ.

Program	
Enter Loop Number:	001
Enter Address Code:	001
Type(<33):	001
OR Logic Group (<512):	001
AND Logic Group (<512):	001A
Floor Number(<256):	001
RAUN (<256):	001
RALN (<256):	001
Location Code(<1536):	0001
MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F3	

Hình 14

### 1. Program Location

Program/Program Location : là biên soạn vị trí lắp đặt , máy chủ có thể tồn lưu dữ liệu 1533 thông tin các vị trí lắp đặt . mỗi một vị trí lắp đặt thiết bị thông tin chuần là 32 ASCII chữ số , đơn mục này sẽ thực hiện đăng nhập vị trí lắp đặt và bảo lưu thông tin đăng nhập , thông tin dữ liệu sử dụng bằng tiếng anh với kích cỡ chữ cái khác nhau ( hình 15 )

Dòng thứ 1: đăng nhập thông tin lắp đặt thiết bị , số thứ tự ( phạm vi số thứ tự là 1—1535 )

Dòng thứ 2 : thông tin miêu tả vị trí lắp đặt

Công năng các nút phím :

Program Location	
	23/a b c
Enter Location Code:	0001
<input type="text" value="A b c A B C 1 2 3, . ? !"/>	

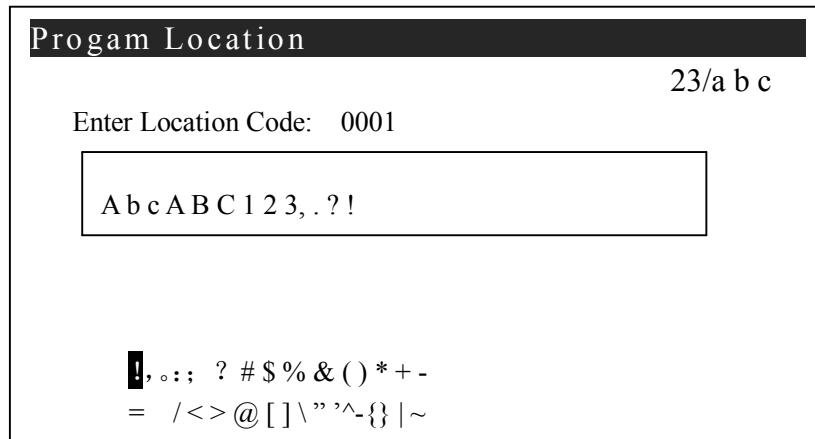
Hình 15

【←】、【→】: phím di chuột ,qua trái , qua phải

【↑】: di chuột từ dòng thứ 1 sang dòng thứ 2 , thay đổi từ đăng nhập thông tin sang vị trí số thứ tự . Phím chữ ,

số : dòng thứ 1 trực tiếp đăng nhập chữ số , dòng thứ 2 lựa chọn chữ số ( kích cỡ lớn nhỏ , dấu chấm ..) thao tác đăng nhập có thể thông qua một lần thao tác hoặc nhiều lần ấn phím liên tiếp tốc độ nhanh tiến hành đăng nhập .

【\*】 con chuột khi đăng nhập số thứ tự vị trí lắp đặt tại dòng thứ 1. ấn 【\*】 số thứ tự vị trí lắp đặt thêm 1 , ở dòng thứ 2 ấn phím 【\*】 xuất hiện ra các chữ cái và ký hiệu ( hình16 ) lúc này có thể lựa chọn các ký hiệu trên đăng nhập vào vị trí con chuột tại thời điểm đó..



Hình 16

【#】 : khi con chuột ở dòng thứ 1. ấn phím 【#】 số thứ tự bị trừ đi 1 khi con chuột ở dòng thứ 2 có thể đăng nhập được những chữ cái , con số dấu chấm với những kích cỡ khác nhau có thể thay đổi được.

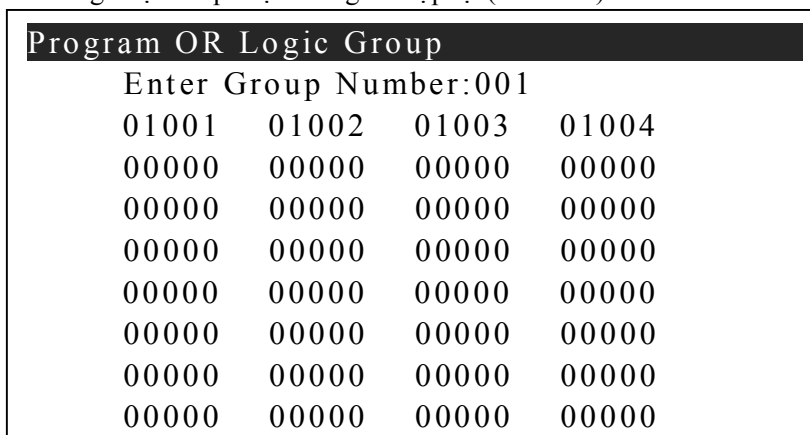
【F1】 : khi thao tác đăng nhập thông tin ấn 【F1】 để xoá đi chữ số phía trước, và cũng có thể lùi lại một ô trước đó.

【Enter】 : khi con chuột ở dòng thứ 1 ấn ENTER hiển thị thông tin vị trí lắp đặt tại thời điểm đó . đồng thời con chuột cũng có thể di chuyển hàng đăng nhập thông tin lắp đặt để thay đổi thông tin nếu cần .dòng thứ 2 ấn phím ENTER có tác dụng bảo tồn thông tin .

#### 1. Program OR Logic Group

Program/ Program OR Logic Group: là mục biên soạn liên động hoặc tổ . có thể thực hiện biên soạn tất cả các Modems ra của tổ ( hình 17 ). trong hình , tại phần phía sau ,Enter Group Number phạm vi là 1—511 nếu đăng nhập ngoại phạm vi màn hình sẽ hiển thị “ None “ . phía dưới của vùng đăng nhập vị trí lắp đặt thiết bị có 4 hàng dọc và 8 hàng ngang ( chỉ đăng nhập Modems ra ) chính là khu vực đăng nhập Modems . Đăng nhập nhiều nhất là 32 Modems , cách thức đăng nhập là liên tiếp 2 chữ số . 2 số đầu là số loop 3 số sau là số địa chỉ .

ví dụ : 01001 là loop1 địa chỉ số 1 . đăng nhập hợp lệ số loop 1—8 số địa chỉ là : 1—192 . Không hợp lệ hiển thị “ FAIL” khi đăng nhập phải tuân thủ theo tuần tự từ trái qua phải từ trên xuống dưới , nếu không sẽ không được chấp nhận thông tin hợp lệ .( hình 17 ).



Hình 17

Công năng thao tác hình 17 :

Phím số: đăng nhập các chữ số :

【←】、【→】: di chuyển chuột qua trái , phải

【↑】【↓】: di chuyển chuột lên xuống

【\*】số thứ tự hoặc tổ cộng thêm 1, đồng thời có thể di chuyển chuột vào khu vực đăng nhập số thứ tự hoặc tổ

【#】 số thứ tự hoặc tổ giảm đi 1 .

【Enter】 Khi con chuột ở khu vực đăng nhập hoặc tổ ấn phím 【Enter】 hiện ra thông tin trong tổ tại thời điểm đó . đồng thời di chuột đến vị trí đang đăng nhập số địa chỉ và ấn phím 【Enter】 lập tức các thông tin sẽ được bảo tồn .

【F4】: vì sự tiện lợi và thao tác nhanh chóng nhà sản xuất đã làm thêm một công năng phụ chỉ cần ấn phím

【F4】 có thể hoàn thành công năng này ,lúc con chuột ở khu vực đăng nhập địa chỉ ấn phím 【F4】 sẽ copy lại tất cả các thông tin tại thời điểm đó ( 5 chữ số ) chuyển sang dòng tiếp theo . copy có hai cách : nếu như tại thời điểm đó số địa chỉ là 00000, tiến hành copy nguyên trạng , nếu như là những con số khác không phải là:00000, thì sau 3 vị trí số sau cùng cộng thêm 1 rồi tiến hành copy.

Ví dụ : trước khi tiến hành copy là:

01001 00000 02002 01003

05020 03032 02052 01120

nếu như trên dòng 01001 tiến hành copy ấn phím 【F4】 7 lần sẽ biến thành :

01001 01002 01003 01004

01005 01006 01007 01008

nếu như con chuột đang trên dòng 00000 ấn phím 【F4】 6lần thì kết quả là :

01001 00000 00000 00000

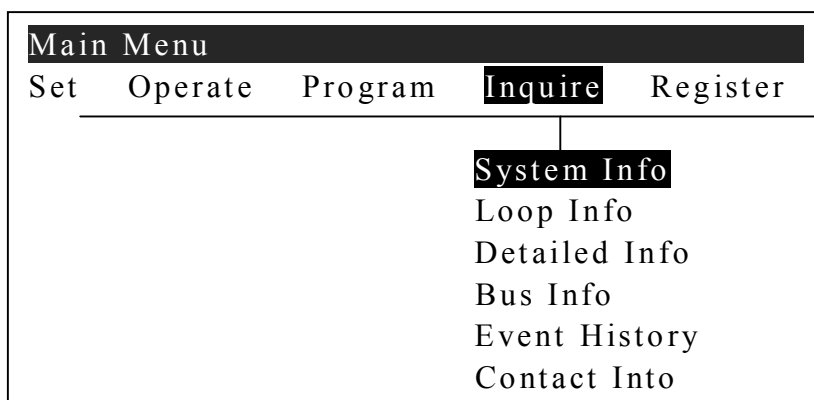
00000 00000 00000 00000

#### (1) Program AND Logic Group

Program/AND Logic Program Group: là mục biên soạn liên động với tổ, có thể biên soạn đăng nhập tất cả các Modems ra trong mỗi tổ, trong đó thao tác trên bàn phím cùng với thao tác của OR Logic Program Group hoàn toàn giống nhau . xem Program AND Logic Group

### 5、Inquire

Inquire: kiểm tra tất cả thông tin ở các đơn mục, bao gồm 6 trang mục nhỏ ( hình 18 ), mỗi một trang mục hiển thị một loại thông tin :



Hình 18

#### 1. System Info

Inquire/ System Info: kiểm tra toàn bộ số lượng các điểm thiết bị được kết nối với hệ thống và tổng số lượng thiết bị( hình 19 ).

System Info	
Smoke Detectors:	0001
Heat Detectors:	0001
Manual Call Points:	0001
Interface Modules:	0001
Input Modules:	0001
Output Modules:	0001
Total Number:	0006

Hình 19

( 1) Loop Info

Inquire/ Loop Info: kiểm tra trên một loop tất cả số lượng các điểm thiết bị kết nối với loop đó , và tổng số lượng thiết bị . ấn phím phương hướng có thể thay đổi kiểm tra các loop khác.

Loop Info	
Loop Number:	01
Smoke Detectors:	001
Heat Detectors:	001
Manual Call Points:	001
Interface Modules:	001
Input Modules:	001
Output Modules:	001
Total Number:	006

Hình 20

( 2) Detailed Info

Inquire/ Detailed Info: kiểm tra một cách cụ thể thông tin tất cả các thiết bị trên một loop nào đó , bao gồm số địa chỉ , loại hình thiết bị , trạng thái thiết bị , miêu tả vị trí lắp đặt của thiết bị ( hình 21 ) ,trên một hình hiển thị 6 hàng tin tức , mỗi một loop cần 32 hình mới có thể hiển thị đầy đủ thông tin . ấn phím **【↑ và 【↓】** trong phạm vi một loop , 32 hình hiển thị thông tin có thể thay đổi lên xuống , đổi trang ( hình ) để tiến hành kiểm tra , xem thông tin .ấn phím. **【←】** và **【→】** thay đổi các loop. cách thức hiển thị thông tin :

Dòng thứ 1 : số địa chỉ , loại hình thiết bị , trạng thái thiết bị :

Dòng thứ 2: miêu tả vị trí lắp đặt thiết bị Trong đó,loại hình thiết bị bao gồm , đầu báo khói , báo nhiệt, nút ấn báo cháy , Modems mở rộng , 7 loại Modems ra ,modems vào .trạng thái thiết bị bao gồm : chưa lắp đặt , bình thường , báo lỗi , báo cháy , khởi động , phản hồi , stop, cách ly .

Detailed Info		
Loop Number: 01		0 1 / 3 2
ADD	Type	State
001	Smoke Detector	OK
	MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F3	
002	None	None
003	Heat Detector	Fault
	MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F3	
004	Heat Detector	Fire
	MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F4	
005	Output Module	Start
	MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F5	
006	Input Module	OK
	MEETINGROOM OF ORENA BUILDING F5	

Hình 21

(4) Bus Info : Inquire/ Detailed Info: kiểm tra trạng thái tất cả các dây tổng truyền về ( loop ) máy chủ bố trí được nhiều nhất là: 8 loop , trạng thái của loop : chưa lắp đặt thiết bị, bình thường, báo lỗi , trên mặt chính của máy có đèn báo lỗi đường dây tổng ( BUS FAULT ) , khi đèn báo lỗi sang, có thể thông qua Inquire /Detailed Info đơn mục tiến hành kiểm tra cụ thể báo lỗi đường dây tổng ( loop ) .

(5) EventHistory:Máy chủ trung tâm ghi lại tất cả các quá trình hoạt động của hệ thống ,thông tin được bảo tồn , thông tin bảo tồn số đạt được 9999 số : thông tin ở vị trí đầu tiên trong bảng lưu trữ là lần sau cùng báo lỗi hay sự cố .

"Fire" : lưu thông tin báo cháy

"start" : thông tin khởi động

"Feedback" : thông tin phản hồi

"Fault" : thông tin báo lỗi

"Restore-1": thông tin stop

"Restore-2": thông tin hồi phục phản hồi

"Restore-3": thông tin hồi phục báo lỗi

"Power on": ghi lại thông tin thông điện

"Reset" : ghi lại thông tin quay về vị trí ban đầu

"Register": thông tin đăng ký

"Program": thông tin trương trình

"Clear PI" : thông tin xóa bỏ trương trình

"Isolation": thông tin cách ly

"Rel. Iso.": thông tin xoá bỏ cách ly Thông tin được ghi chép lại xem hình 22,cách thức hiển

thị thông tin: số thứ tự ngày tháng thời gian loại hình sự kiện [ số loop , số địa chỉ ]

ví dụ : 0050 02-02-2007 11: 59 Fault 01.005

ý nghĩa : loop 01 địa chỉ của thiết bị 005 2007 / 2 / 2 : 11 h 59 phút báo lỗi .

Event History				
0001	0 5-1 0-2007	1 2 : 20	Power on	
0002	0 5-1 0-2007	1 1 : 2 9	Fault	01.004
0003	0 5-1 0-2007	1 1 : 2 8	Fault	01.005
0004	0 5-1 0-2007	1 1 : 2 7	Fire	01.014
0005	0 5-1 0-2007	1 1 : 2 6	Fault	01.122
0006	0 5-1 0-2007	1 1 : 2 0	Fault	01.192
0007	0 5-1 0-2007	1 1 : 18	Reset	
0008	0 5-1 0-2007	1 1: 15	Power on	
END				

Hình 22

(5)Contact Info Inquire/Contact Info: kiểm tra thông tin liên quan đến nhà sản xuất và liên lạc, mã số của phần mềm và thời gian thay đổi sau cùng

**6、Register:** bao gồm 3 trang mục nhỏ ( hình23 ) dùng để đăng ký tất cả các thiết bị trên một loop nào đó thông tin về xóa bỏ chương trình và đăng ký một điểm thiết bị nào đó ( thay đổi số địa chỉ ), lựa chọn chính xác đơn mục xong , xác nhận ,sau cùng đăng nhập mật mã lập tức có thể tiến hành thao tác tương ứng

Main Menu				
Set	Operate	Program	Inquire	<b>Register</b>
				Register Loop Devices
				Register SingleDevice
				Clear Programmed Info

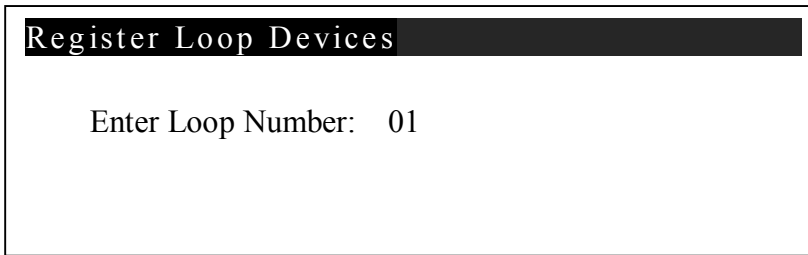
Hình 23

a) Register Loop Devices:

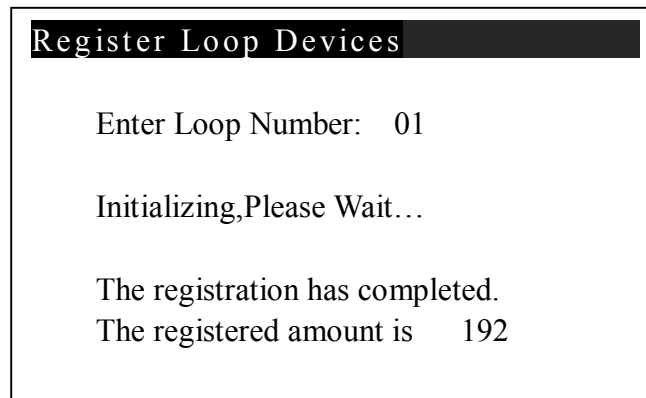
Trước khi Tất cả các loop trong trạng thái hoạt động bình thường, cần phải đăng ký , chính là thông qua phương thức thông tin tự động , lấy tất các thông tin của các điểm thiết bị kết nối với loop đó tiến hành bảo lưu trong ‘‘ flash ‘‘ ( hình 24 ) ấn phím【↑】、【↓】 lựa chọn số loop cần đăng ký ,xác nhận xong màn hình,hiển thị ‘‘Lnitializing, Please Wait...’’bắt đầu đăng ký và số lượng điểm thiết bị trên loop đó là tỉ lệ thuận . trong vòng 1---5 phút Nếu như đăng ký trên thực tế không tồn tại số loop nào đó , xuất hiện ‘‘fail‘‘ .sau khi đăng ký kết thúc màn hình , hiển thị số lượng thiết bị ( hình 25 ) sau khi đăng ký kết thúc vài giây , hệ thống tự động phục vị toàn bộ thao tác

b) Register SingleDevice:

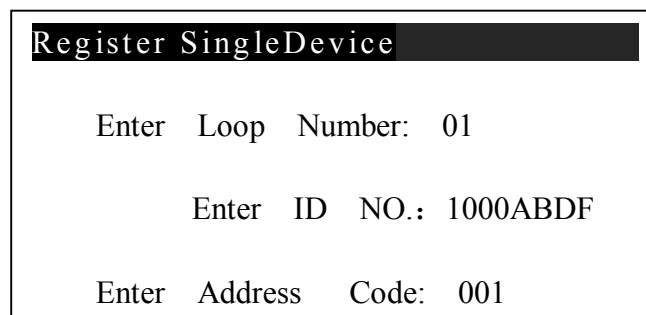
Register/Register SingleDevice : Một điểm thiết bị đăng nhập vào công năng của hệ thống , đồng thời có thể lấy điểm thiết bị này tiến hành lập ra một địa chỉ cần thiết , và cũng có thể xóa đi địa chỉ của một điểm thiết bị nào đó trên loop đấy



Hình 24



Hình 25

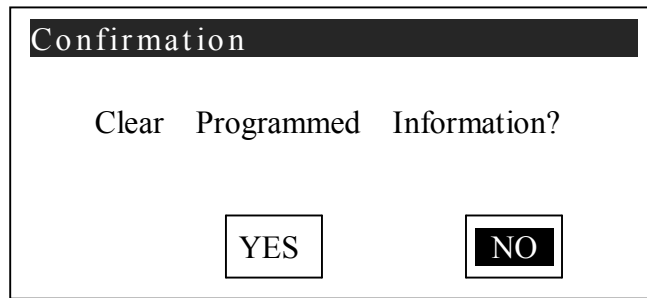


Hình 26

Phím số tại hàng thứ 1 đăng nhập số loop, hàng thứ 2 đăng nhập số địa chỉ Phím phương hướng để di chuyển con chuột .Hàng thứ 2 đăng nhập số ID, ID là số do nhà sản xuất quy định cho mỗi sp ,mỗi một sp sau khi xuất xưởng đều có những số ID không giống nhau , đồng thời không thay đổi .Số ID là 16 số tăng dần của 8 vị trí . ví dụ : 1000ADFE, trong đó số đầu tiên tương đồng với loại hình thiết bị , các vị trí khác là sự tăng dần theo tuần tự của hàng số thứ tự. phương pháp nhập số: 16 số tăng dần của 0-9 ấn phím số đăng nhập , ấn phím **【\*】**, **【#】** có thể đăng nhập được 16 số tăng dần của A-F., Ấn phím **【\*】** đăng nhập theo trình tự từ A-F,ấn phím **【#】** thì sẽ đăng nhập theo trình tự ngược lại từ F-A. Trước mắt vị trí thứ 1 của số ID chỉ có 1, 2, 3, 4, 5, 9 ( hoặc 6 ) 6 con số là hợp pháp , không hợp pháp sẽ hiển thị “Fail” ( số loop và số địa chỉ cũng cần phải có số hợp lệ ) Nếu số ID đăng nhập là 00000000, biểu thị thiết bị bị xoá bỏ.

c) Clear Programmed Info

Register/Clear Programmed Info: là đơn mục xoá bỏ các thông tin biên soạn trong mục Program.Baogồm xoá bỏ tất cả thông tin miêu tả vị trí lắp đặt, tất cả các thông tin với tổ hoặc trong tổ , trương trình tổng hợp trừ loại hình thiết bị ‘ Type’ra đều bị xoá bỏ. thao tác đơn mục này có nghĩa là phải xây dựng lại tất cả các thông tin lại từ đầu , nên phải thận trọng .lựa chọn đơn mục này , sau khi ấn phím xác nhận , cần phải nhập mật mã , mật mã chính xác sẽhiển thị ra hình để xác nhận ( hình 27 ) chọn “YES“ chấp hành công năng ở đơn mục.



Hình 27

### 7、 RESET :

Trên mặt chính bàn phím máy chủ ấn phím **【RESET/ESC】**, chấp hành công năng phục vị hệ thống , màn hình hiển thị “System Reset”... biểu thị hệ thống đang phục vị một cách bình thường .Công năng phục vị đưa về tình trạng ban đầu tắt cả các trạng thái trừ cách ly và tự động liên động .

### 8、 MANU/AUTO

Ấn phím **【MANU/AUTO】** có thể sử dụng công năng liên động đồng thời cũng có thể thoát ra khỏi công năng liên động . Thông qua các chỉ thị trên mặt chính của máy chủ , ấn phím **【MANU/AUTO】**, đăng nhập mật mã ,sau khi xác nhận những thao tác trên , có thể thay đổi trạng thái công năng liên động , khu vực đèn chỉ thị AUTO bật sáng , biểu thị sử dụng tự động công năng liên động.

## 3) PHỤ LỤC

### A、 KÝ HIỆU ĐIỂM CÀI ĐẶT LOẠI HÌNH THIẾT BỊ , TÊN GỌI VÀ CÁC KÝ HIỆU TƯƠNG ỨNG

1	ĐẦU BÁO KHÓI		2	ĐẦU BÁO KHÓI	
3	NÚT ÁN BẰNG TAY		4	MODEMS MỞ RỘNG	
5	CHỈ THỊ MÁY BƠM		6	NÚT ÁN HỘP CỨU HOẢ	
7	ÁP LỰC ĐONG / MỞ		8	VAN TÍN HIỆU	
9	KHÔNG CHẾ MODEM S		10	ĐÈN ÂM THANH	
11	MÁY HÚT KHÓI		12	QUẠT THÔNG GIÓ	
13	VAN THÔNG GIÓ		14	VAN THÔNG GIO	
15	VAN PHÒNG CHÁY		16	ĐÈN KHÂN CẤP	
17	CỬA CUỘN		18	ĐIỀU HOÀ	
19	CHUÔNG		20	LOA	
21	NGUỒN ĐIỆN		22	BƠM PHÒNG CHÁY	
23	MÁY PHÁT ĐIỆN		24	KHÍ DẬP LỬA	
25	MODÉM CAMMER		26	THANG MÁY	
27	ĐÈN HỘP CỨU HOẢ		28	ĐẦU PHUN SƯƠNG	
29	TỰ MẶC ĐỊNH		30	TỰ MẶC ĐỊNH	
31	TỰ MẶC ĐỊNH		32	TỰ MẶC ĐỊNH	